

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2023/TLST-DS, ngày 01 tháng 03 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1949

Địa chỉ: số C, T, khóm B, phường A, TPTV, tỉnh Trà Vinh.

*Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân huyện C, Tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ: Khóm C, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Lê Thị Nguyên G, sinh năm 1976

- Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1978

- Bà Lê Thị Ngọc P, sinh năm 1981

- Ông Lê Bảo L, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: số C, T, khóm B, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho bà G, bà T, bà P, ông L là bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1949; Địa chỉ: số C, T, khóm B, phường A, TPTV, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1976.

- Bà Ông Lê Hoàng C1, sinh năm 1996.

- Bà Lê Thị Lan C2, sinh năm 2006.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đại diện thành viên hộ (gồm bà Lê Thị Nguyên G, bà Lê Thị Ngọc T, bà Lê Thị Ngọc P, ông Lê Bảo L) với bị đơn ông Lê Văn C3 đại diện hộ (gồm bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà ông Lê Hoàng C1, bà Lê Thị Lan C2) thống nhất tự nguyện thỏa thuận phân đất tranh chấp giáp ranh giữa thửa 214 của hộ bà B với thửa 215 của hộ ông C3 như sau:

+ Bà Nguyễn Thị B đại diện thành viên hộ (gồm bà Lê Thị Nguyên G, bà Lê Thị Ngọc T, bà Lê Thị Ngọc P, ông Lê Bảo L) được quyền sử dụng thửa đất số 214, tờ bản đồ số 1, diện tích là 2.729,2m<sup>2</sup> (sơ đồ khu đất ký hiệu B), trong đó diện tích hành lang an toàn đường bộ 329,2m<sup>2</sup>, loại đất cây ăn quả, tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đất kèm theo sơ đồ khu đất như Công văn số..... có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông – Bắc giáp đường huyện A nhựa, cạnh dài 37,72 mét;

H – Nam giáp thửa 211, cạnh dài 33,40 mét;

H – Nam giáp thửa 213, cạnh dài 73,90 mét;

H – Bắc giáp thửa 215, cạnh dài 2,53 mét và cạnh dài 85,41 mét.

+ Ông Lê Văn C3 đại diện hộ (gồm bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà ông Lê Hoàng C1, bà Lê Thị Lan C2) được quyền sử dụng thửa đất số 215, tờ bản đồ số 1, diện tích là 2131,2m<sup>2</sup> (sơ đồ khu đất ký hiệu A), trong đó diện tích hành lang an toàn đường bộ 142,1m<sup>2</sup>, loại đất ở cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đất kèm theo sơ đồ khu đất như Công văn số..... có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông – Bắc cạnh giáp đường huyện A nhựa dài 14,46 mét và cạnh giáp thửa 206 dài 14,00 mét;

Hướng Tây – Nam giáp thửa 211, cạnh dài 30,05 mét;

H – Nam giáp thửa 214, cạnh dài 2,53 mét và cạnh dài 85,41 mét;

H – Bắc giáp một cạnh giáp thửa 206 dài 45,86 mét và cạnh giáp thửa 217, thửa 218 dài 46,30 mét.

Các đương sự liên hệ cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai để điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như quyết định trên khi có hiệu lực.

Để đảm bảo cho việc thi hành án khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, nghiêm cấm các bên làm thay đổi hiện trạng đất cho đến khi thi hành xong.

- Về chi phí thẩm định, định giá: Tổng chi phí thẩm định, định giá số tiền 6.001.000 đồng (Sáu triệu không trăm lẻ một ngàn đồng). Bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn C tự nguyện thoả thuận mỗi bên chịu 3.000.500 đồng. Các bên đã nộp xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B tự nguyện nộp 75.000 đồng nhưng do bà B thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn nên được miễn nộp. Ông Lê Văn C tự nguyện nộp 75.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Càng Long;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Thạch Huỳnh Liêm**